HIỆP ĐỊNH

KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ LẪN NHAU

GIỮA

CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HOÀ HỒI GIÁO IRAN

LỜI NÓI ĐẦU

Chính phủ Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Nước Cộng hoà Hồi giáo Iran, sau đây gọi là "các Bên ký kết";

Mong muốn đẩy mạnh hợp tác kinh tế cùng có lợi cho cả hai Bên ký kết;

Nhằm huy động các nguồn lực kinh tế và điều kiện tiềm năng trong lĩnh vực đầu tư cũng như tạo ra và duy trì các điều kiện thuận lợi cho đầu tư của công dân các Bên ký kết trên lãnh thổ của nhau; và

Thừa nhận sự cần thiết của việc thúc đẩy và bảo hộ đầu tư của công dân thuộc các Bên ký kết trên lãnh thổ của nhau;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
CÁC ĐỊNH NGHĨA

Với mục đích của Hiệp định này, các thuật ngữ trong Hiệp định được hiểu như sau:

1. Thuật ngữ "đầu tư" có nghĩa là mọi tài sản do nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó (sau đây gọi là Bên ký kết chủ nhà), bao gồm những khoản sau:

a) Động sản và bất động sản cũng như các quyền có liên quan;

b) Cổ phần hoặc bất kỳ các hình thức góp vốn vào công ty;

c) Quyền đòi tiền hoặc bất kỳ hoạt động nào có giá trị kinh tế gắn với đầu tư;

d) Các quyền sở hữu công nghiệp và sở hữu trí tuệ như sáng chế, mô hình sử dụng, các kiểu dáng hoặc mẫu công nghiệp, các nhãn hiệu và tên thương mại, bí quyết và uy tín kinh doanh;

e) Các quyền tìm kiếm, tinh chế hoặc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2. Thuật ngữ "nhà đầu tư" có nghĩa là các chủ thể sau đây thực hiện đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trong khuôn khổ Hiệp định này:

a) Thể nhân là công dân của mỗi Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó và không có quốc tịch của Bên ký kết chủ nhà.

b) Pháp nhân của mỗi Bên ký kết được thành lập hoặc tổ chức theo luật của Bên ký kết đó và có trụ sở cùng với các hoạt động kinh tế thực chất trên lãnh thổ của Bên ký kết đó.

3. Thuật ngữ "thu nhập" có nghĩa là các khoản thu hợp pháp từ đầu tư bao gồm lợi nhuận từ đầu tư, cổ tức, tiền bản quyền và các loại phí khác.

4. Thuật ngữ "lãnh thổ":

a) Trong trường hợp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thủy, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, các vùng biển ngoài lãnh hải bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và luật pháp quốc tế.

b) Trong trường hợp Cộng hoà Hồi giáo Iran, có nghĩa là các vùng thuộc chủ quyền hoặc quyền tài phán của Cộng hoà Hồi giáo Iran, và bao gồm cả các vùng biển.

ĐIỀU 2

KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích công dân của mình đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

2. Mỗi Bên ký kết, trong khuôn khổ pháp luật và quy định của nước mình, tạo các điều kiện thuận lợi nhằm thu hút đầu tư của công dân của Bên ký kết kia trên lãnh thổ nước mình.

ĐIỀU 3

TIẾP NHẬN ĐẦU TƯ

1. Mỗi Bên ký kết sẽ tiếp nhận đầu tư của thể nhân và pháp nhân của Bên ký kết kia trên lãnh thổ nước mình phù hợp với pháp luật và quy định của nước mình.

2. Khi một hoạt động đầu tư được chấp thuận, mỗi Bên ký kết sẽ cấp các giấy phép cần thiết để thực hiện hoạt động đầu tư đó theo quy định của pháp luật của mình.

ĐIỀU 4

BẢO HỘ ĐẦU TƯ

1. Đầu tư của nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết thực hiện trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được bảo hộ pháp lý đầy đủ và đối xử công bằng không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết chủ nhà hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ 3 nào trong cùng hoàn cảnh tương tự, phù hợp với pháp luật của Bên ký kết chủ nhà.

2. Nếu một Bên ký kết đã hoặc sẽ dành trong tương lai các ưu đãi hoặc đặc quyền cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ 3 nào có được từ các hiệp định hiện hành hoặc tương lai về thành lập khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung hoặc tổ chức khu vực tương tự và/hoặc trong các thỏa thuận về tránh đánh thuế hai lần, Bên ký kết đó sẽ không buộc phải dành các ưu đãi hoặc đặc quyền này cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia.

ĐIỀU 5

CÁC QUY ĐỊNH THUẬN LỢI HƠN

Mặc dù có những điều khoản trong Hiệp định này, các quy định thuận lợi hơn đã hoặc có thể được mỗi Bên ký kết thoả thuận với nhà đầu tư của Bên ký kết kia sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 6

TƯỚC QUYỀN SỞ HỮU VÀ BỒI THƯỜNG

1. Đầu tư của thể nhân và pháp nhân của mỗi Bên ký kết sẽ không bị quốc hữu hóa, trưng thu, tước quyền sở hữu hoặc bị áp dụng các biện pháp tương tự của Bên ký kết kia trừ trường hợp những biện pháp này được thực hiện vì mục đích công cộng, phù hợp với trình tự luật định, không phân biệt đối xử, và trên cơ sở bồi thường nhanh chóng, thoả đáng và hiệu quả.

2. Khoản bồi thường phải tương xứng với giá trị thị trường của khoản đầu tư ngay trước khi hành động quốc hữu hóa, trưng thu hoặc tước quyền sở hữu diễn ra hoặc được công bố.

3. Việc bồi thường sẽ bao gồm một khoản đền bù cho bất kỳ sự chậm trễ phi lý nào trong việc trả tiền bồi thường với điều kiện việc chậm trả tiền bồi thường không do nhà đầu tư gây ra. Khoản đền bù này được xác định trên cơ sở LIBOR tính từ ngày tước quyền sở hữu cho đến ngày trả tiền bồi thường.

ĐIỀU 7

THIỆT HẠI

Nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết có đầu tư bị thiệt hại do bất kỳ xung đột vũ trang, cách mạng hoặc tình trạng khẩn cấp tương tự trên lãnh thổ Bên ký kết kia sẽ được Bên ký kết kia dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho nhà đầu tư nước mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

ĐIỀU 8

CHUYỂN TIỀN VỀ NƯỚC VÀ RA NƯỚC NGOÀI

1. Mỗi Bên ký kết, phù hợp với pháp luật của nước mình, sẽ cho phép một cách thiện chí những khoản sau đây liên quan đến đầu tư theo Hiệp định này được chuyển tự do và không chậm trễ ra ngoài lãnh thổ nước mình:

a) Các khoản thu nhập;

b) Các khoản thu từ việc bán và/hoặc thanh lý toàn bộ hoặc một phần đầu tư;

c) Tiền bản quyền và các khoản phí liên quan đến chuyển giao công nghệ;

d) Toàn bộ các khoản được thanh toán theo Điều 6 và/hoặc Điều 7 của Hiệp định này;

e) Các khoản thanh toán nợ liên quan đến đầu tư với điều kiện được thanh toán cho các hoạt động đầu tư đó;

f) Các khoản lương và tiền công hàng tháng của người lao động làm việc cho nhà đầu tư, đã được cấp giấy phép lao động liên quan đến đầu tư đó trên lãnh thổ của Bên ký kết chủ nhà;

g) Các khoản thanh toán từ quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo Điều 13.

2. Việc chuyển tiền ra nước ngoài trên đây sẽ được thực hiện bằng đồng tiền chuyển đổi và theo tỷ giá hối đoái hiện hành phù hợp với các quy định về quản lý ngoại hối vào thời điểm chuyển.

ĐIỀU 9

THẾ QUYỀN

Nếu một Bên ký kết hoặc cơ quan được uỷ quyền của Bên ký kết đó, theo phương thức do pháp luật quy định, thế quyền nhà đầu tư khi thực hiện các khoản thanh toán theo hợp đồng bảo hiểm hoặc bảo lãnh đối với những rủi ro phi thương mại:

a) Việc thế quyền này sẽ được Bên ký kết kia sẽ công nhận;

b) Người thế quyền không được thực hiện bất kỳ các quyền nào khác ngoài những quyền mà nhà đầu tư được phép thực hiện;

c) Tranh chấp giữa người được thế quyền và Bên ký kết chủ nhà sẽ được giải quyết phù hợp với Điều 13 Hiệp định này.

ĐIỀU 10

TUÂN THỦ CÁC CAM KẾT

Mỗi Bên ký kết sẽ đảm bảo tuân thủ các cam kết đã tham gia liên quan đến đầu tư của thể nhân hoặc pháp nhân của Bên ký kết kia.

ĐIỀU 11

ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Nếu một quy định được đồng thời điều chỉnh trong Hiệp định này và các Hiệp định quốc tế khác mà hai Bên ký kết là thành viên, những quy định này, trong chừng mực thuận lợi hơn, sẽ được áp dụng cho các Bên ký kết và nhà đầu tư của các Bên ký kết có đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

ĐIỀU 12

PHẠM VI ÁP DỤNG CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Trong trường hợp Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hiệp định này được áp dụng đối với tất cả các khoản đầu tư được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận cụ thể bằng văn bản, phù hợp với pháp luật và quy định của mình.

2. Trong trường hợp Cộng hoà Hồi giáo Iran, Hiệp định này được áp dụng đối với tất cả các khoản đầu tư được sự chấp thuận của Tổ chức Hỗ trợ Đầu tư, Kinh tế và Kỹ thuật của Iran (O.I.E.T.A.I.) hoặc bất kỳ cơ quan có thẩm quyền nào thay thế tổ chức này.

3. Hiệp định này cũng áp dụng đối với các khoản đầu tư đã được thực hiện phù hợp với các quy định của Điều này trước khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 13

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA MỘT BÊN KÝ KẾT VÀ NHÀ ĐẦU TƯ CỦA BÊN KÝ KẾT KIA

1. Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa Bên ký kết chủ nhà và nhà đầu tư của Bên ký kết kia liên quan đến đầu tư, Bên ký kết chủ nhà và nhà đầu tư trước hết sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp một cách thân thiện thông qua thương lượng và tham vấn.

2. Trong trường hợp Bên ký kết chủ nhà và nhà đầu tư không thoả thuận được trong vòng 6 tháng kể từ ngày có thông báo về yêu cầu của một bên tranh chấp đối với bên kia, mỗi bên tranh chấp có thể đưa vụ tranh chấp ra giải

quyết tại toà án có thẩm quyền của Bên ký kết chủ nhà, hoặc hội đồng trọng tài gồm 3 thành viên theo khoản 5 dưới đây với sự cân nhắc thỏa đáng đến pháp luật của các Bên ký kết.

3. Tranh chấp đã được đưa ra toà án có thẩm quyền của Bên ký kết chủ nhà và đang trong quá trình giải quyết thì không được đưa ra giải quyết bằng trọng tài, trừ trường hợp các bên có thoả thuận; và trong trường hợp khi đã có phán quyết cuối cùng của tòa án, vụ tranh chấp sẽ không được đưa ra giải quyết bằng trọng tài.

4. Toà án quốc gia không có quyền tài phán đối với bất kỳ tranh chấp nào đã được đưa ra giải quyết bằng trọng tài. Tuy nhiên, những quy định của khoản này không cấm bên thắng trong vụ tranh chấp yêu cầu cưỡng chế thực hiện quyết định của trọng tài tại tòa án quốc gia.

5. Bên ký kết chủ nhà hoặc nhà đầu tư của Bên ký kết kia mong muốn đưa vụ tranh chấp ra xét xử bằng trọng tài sẽ chỉ định một trọng tài bằng văn bản thông báo cho bên kia. Bên tranh chấp đó sẽ chỉ định một trọng tài trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này và các trọng tài được chỉ định sẽ chỉ định Chủ tịch trọng tài trong vòng 60 ngày kể từ ngày được chỉ định. Trong trường hợp mỗi bên không chỉ định được trọng tài của mình trong thời hạn trên đây và/hoặc các trọng tài được chỉ định không thoả thuận được về Chủ tịch trọng tài, mỗi bên có thể yêu cầu Tổng thư ký Tòa Trọng tài Thường trực chỉ định trọng tài của bên không chỉ định được hoặc Chủ tịch trọng tài tuỳ theo từng trường hợp. Tuy nhiên, Chủ tịch trọng tài sẽ được chỉ định trong số công dân của quốc gia có quan hệ ngoại giao với cả hai Bên ký kết vào thời điểm được chỉ định.

ĐIỀU 14

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP GIỮA CÁC BÊN KÝ KẾT

1. Mọi tranh chấp phát sinh giữa các Bên ký kết liên quan đến giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này trước hết được giải quyết trên cơ sở hòa giải thông qua tham vấn. Trong trường hợp không thoả thuận được, mỗi Bên căn cứ vào pháp luật của nước mình, đồng thời với việc thông báo cho Bên kia biết, có thể đưa vụ tranh chấp ra giải quyết tại hội đồng trọng tài gồm 3 thành viên bao gồm 2 trọng tài do các Bên ký kết chỉ định và một Chủ tịch trọng tài.

Trong trường hợp tranh chấp được giải quyết tại hội đồng trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một trọng tài trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được thông báo và các trọng tài do các Bên ký kết chỉ định sẽ, trong vòng 60 ngày kể từ

ngày được chỉ định, chỉ định Chủ tịch trọng tài. Nếu mỗi Bên ký kết không chỉ định được trọng tài của mình hoặc các trọng tài được chỉ định không thoả thuận được về việc chỉ định Chủ tịch trọng tài trong thời hạn này, mỗi Bên ký kết có thể yêu cầu Chủ tịch Toà án Công lý Quốc tế chỉ định trọng tài của Bên ký kết không chỉ định được trọng tài hoặc Chủ tịch trọng tài tuỳ theo từng trường hợp.

Tuy nhiên Chủ tịch trọng tài phải là công dân của quốc gia có quan hệ ngoại giao với cả hai Bên ký kết vào thời điểm được chỉ định.

2. Trong trường hợp Chủ tịch trọng tài do Chủ tịch Toà án Công lý Quốc tế chỉ định, nếu Chủ tịch Toà án Công lý Quốc tế không thực hiện chức năng này hoặc là công dân của một Bên ký kết, việc chỉ định sẽ do phó Chủ tịch Toà án Công lý Quốc tế thực hiện, và nếu phó Chủ tịch Toà án Công lý Quốc tế cũng không thực hiện được chức năng này hoặc là công dân của một Bên ký kết, việc chỉ định sẽ do thành viên cao cấp của Toà án này mà không phải là công dân của một Bên ký kết thực hiện.

3. Căn cứ vào các quy định khác do các Bên ký kết thoả thuận, hội đồng trọng tài sẽ quyết định thủ tục và địa điểm trọng tài.

4. Các quyết định của hội đồng trọng tài là bắt buộc đối với các Bên ký kết.

ĐIỀU 15

HIỆU LỰC CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này được các cơ quan có thẩm quyền của từng Bên ký kết phê duyệt/phê chuẩn phù hợp với pháp luật và quy định của các Bên ký kết.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực trong thời hạn là mười năm từ thời điểm sau 30 ngày kể từ ngày thông báo cuối cùng của một Bên ký kết gửi cho Bên ký kết kia về việc đã hoàn tất những thủ tục cần thiết phù hợp với pháp luật của mình để Hiệp định này có hiệu lực. Sau thời hạn này, Hiệp định này sẽ tiếp tục có hiệu lực trừ trường hợp một trong các Bên ký kết thông báo với Bên ký kết kia bằng văn bản về việc không mong muốn duy trì Hiệp định, 6 tháng trước khi kết thúc hoặc chấm dứt hiệu lực.

3. Sau khi Hiệp định kết thúc hoặc chấm dứt hiệu lực, các quy định của Hiệp định sẽ tiếp tục được áp dụng đối với các hoạt động đầu tư theo Hiệp định này thêm một thời hạn là mười năm.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được uỷ quyền hợp lệ của Chính phủ mình đã ký Hiệp định này.

Làm thành 2 bản tại Hà Nội ngày 23 tháng 12 năm 2009 ...., bằng tiếng Việt, tiếng Ba Tư và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm căn cứ.

THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	THAY MẶT CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ HỒI GIÁO IRAN
Cao Đức Phát Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Mehdi Ghazanfari Bộ trưởng

AGREEMENT

ON RECIPROCAL PROMOTION AND PROTECTION OF INVESTMENTS

BETWEEN

THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE GOVERNMENT OF THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN

PREAMBLE

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Islamic Republic of Iran, hereinafter referred to as the "Contracting Parties";

Desiring to intensify economic cooperation to the mutual benefit of both Contracting Parties;

Intending to utilize their economic resources and potential facilities in the area of investments as well as to create and maintain favourable conditions for investments of the nationals of the Contracting Parties in each others' territory; and

Recognizing the need to promote and protect investments of the nationals of the Contracting Parties in each others' territory;

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
DEFINITIONS

For the purpose of this Agreement, the meanings of the terms used therein are as follows:

1. The term "investment" refers to every kind of property or asset, including the following, invested by the investors of one Contracting Party in the territory of the other Contracting Party in accordance with the laws and regulations of the latter Contracting Party (hereinafter referred to as the host Contracting Party):

   a) movable and immovable property as well as rights related thereto;

   b) shares or any kind of participation in companies;

   c) right to claim money or any performance having an economic value associated with an investment;

   d) industrial and intellectual property rights such as patent, utility models, industrial designs or models, trade marks and names, know-how and goodwill;

   e) rights to search for, extract or exploit natural resources.

2. The term "investors" refers to the following persons who invest in the territory of the other Contracting Party within the framework of this Agreement:

a) natural persons who, according to the laws of either Contracting Party, are considered to be its nationals and have not the nationality of the host Contracting Party.

b) legal persons of either Contracting Party which are formed or incorporated under the laws of that Contracting Party and have their seat together with their substantial economic activities in the territory of that same Contracting Party.

3. The term "returns" refers to the amounts legally yielded by an investment including profit derived from investments, dividends, royalties and fees.

4. The term "territory":

a) in the case of the Socialist Republic of Viet Nam, refers to its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Viet Nam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law.

b) in the case of the Islamic Republic of Iran, refers to areas under the sovereignty or jurisdiction of the Islamic Republic of Iran, and includes its maritime areas.

ARTICLE 2
PROMOTION OF INVESTMENTS

1. Either Contracting Party shall encourage its nationals to invest in the territory of the other Contracting Party.

2. Either Contracting Party shall, within the framework of its laws and regulations, create favourable conditions for attraction of investments of nationals of the other Contracting Party in its territory.

ARTICLE 3
ADMISSION OF INVESTMENTS

1. Either Contracting Party shall admit investments of natural and legal persons of the other Contracting Party in its territory in accordance with its laws and regulations.

2. When an investment is admitted, either Contracting Party shall, in accordance with its laws and regulations, grant all necessary permits for the realization of such an investment.

ARTICLE 4

PROTECTION OF INVESTMENTS

1. Investments of investors of either Contracting Party effected within the territory of the other Contracting Party shall, in accordance with the laws and regulations of the host Contracting Party, receive full legal protection and fair treatment not less favourable than that accorded to its own investors or to investors of any third state who are in a comparable situation.

2. If a Contracting Party has accorded or shall accord in future special advantages or rights to investor(s) of any third state by virtue of an existing or future agreement establishing a free trade area, a customs union, a common market or a similar regional organization and/or by virtue of an arrangement on the avoidance of double taxation, it shall not be obliged to accord such advantages or rights to investors of the other Contracting Party.

ARTICLE 5

MORE FAVOURABLE PROVISIONS

Notwithstanding the terms set forth in this Agreement, more favourable provisions which have been or may be agreed upon by either of the Contracting Parties with an investor of the other Contracting Party are applicable.

ARTICLE 6

EXPROPRIATION AND COMPENSATION

1. Investments of natural and legal persons of either Contracting Party shall not be nationalized, confiscated, expropriated or subjected, to similar measures by the other Contracting Party except such measures are taken for public purposes, in accordance with due process of law, in a non-discriminatory manner, and upon payment of prompt, adequate and effective compensation.

2. The amount of compensation shall be equivalent to the market value of the investment immediately before the action of nationalization, confiscation or expropriation was taken or became known.

3. The compensation shall include an amount to compensate for any unjustified delay in payment provided that the delay of payment is not caused by the investor. The amount is determined on the LIBOR basis from the date of the expropriation until the date of payment.

ARTICLE 7

LOSSES

Investors of either Contracting Party whose investments suffer losses due to any armed conflict, revolution or similar state of emergency in the territory of the other Contracting Party shall be accorded by the other Contracting Party treatment no less favourable than that accorded to its own investors or to investors of any third country.

ARTICLE 8

REPATRIATION AND TRANSFER

1. Each Contracting Party shall, in accordance with its laws and regulations, permit in good faith the following transfers related to investments referred to in this Agreement, to be made freely and without delay out of its territory:

   a) returns;

   b) proceeds from the sale and/or liquidation of all or part of an investment;

   c) royalties and fees related to transfer of technology agreement;

   d) sums paid pursuant to Articles 6 and/or 7 of this Agreement;

   e) loan installments related to an investment provided that they are paid out of such investment activities;

   f) monthly salaries and wages received by the employees of an investor who have obtained in the territory of the host Contracting Party, the corresponding work permits related to that investments;

   g) payments arising from a decision of the authority referred to in Article 13.

2. The above transfers shall be effected in a convertible currency and at the current rate of exchange in accordance with the exchange regulations prevailing on the date of transfer.

ARTICLE 9

SUBROGATION

If a Contracting Party or its designated agency, under a system established by law, subrogates an investor pursuant to a payment made under an insurance or guarantee agreement against non- commercial risks:

(a) such subrogation shall be recognized by the other Contracting Party;

(b) the subrogee shall not be entitled to exercise any rights other than the rights which the investor would have been entitled to exercise;

(c) disputes between the subrogee and the host Contracting Party shall be settled in accordance with Article 13 of this Agreement.

ARTICLE 10

OBSERVANCE OF COMMITMENTS

Either Contracting Party shall guarantee the observance of the commitments it has entered into with respect to investments of natural or legal persons of the other Contracting Party.

ARTICLE 11

APPLICATION OF OTHER RULES

If a provision is simultaneously ruled by this Agreement or other International Agreements in which the two Contracting Parties are party, the regulations shall, to the extend they are more favourable, be applied to the Contracting Parties and their investors owning investments in the territory of the other Contracting Party.

ARTICLE 12

SCOPE OF THE AGREEMENT

1. In case of the Socialist Republic of Viet Nam, this Agreement shall apply to all investments, specifically approved in writing by the competent authority of Viet Nam in accordance with its related laws and regulations.

2. In case of the Islamic Republic of Iran, this Agreement shall apply to all investments approved by the Organization for Investment, Economic and Technical Assistance of Iran (O.I.E.T.A.I.)" or any other authority which may succeed it.

3. This agreement shall also apply to investments which have been made in accordance with the provisions set forth in this Article before entry into force of this Agreement.

ARTICLE 13

SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN A CONTRACTING PARTY AND INVESTOR(S) OF THE OTHER CONTRACTING PARTY

1. If any dispute arises between the host Contracting Party and investor(s) of the other Contracting Party with respect to an investment, the host Contracting Party and the investor(s) shall primarily endeavour to settle the dispute in an amicable manner through negotiation and consultation.

2. In the event that the host Contracting Party and the investor(s) can not agree within six months from the date of notification of the claim by one party to the other, either of them may refer the dispute to the competent courts of the host Contracting Party or with due regard to their own laws and regulations to an arbitral tribunal of three members referred to in paragraph 5 below.

3. A dispute primarily referred to the competent courts of the host Contracting Party, as long as it is pending, cannot be referred to arbitration save with the parties' agreement, and in the event that a final judgment is rendered, it cannot be referred to arbitration.

4. National courts shall not have jurisdiction over any dispute referred to arbitration. However, the provisions of this paragraph do not bar the winning party to seek for the enforcement of the arbitral award before national courts

5. The host Contracting Party or the investor(s) of the other Contracting Party who desires to refer the dispute to the arbitration shall appoint an arbitrator through a written notice sent to the other party. The other party shall appoint an arbitrator within sixty days from the date of receipt of the said notice and the appointed arbitrators shall within sixty days from the date of the last appointment, appoint the umpire. In the event that each party fails to appoint its arbitrator within the mentioned period and/or the appointed arbitrators fail to agree on the umpire, each of the parties may request the Secretary General of the Permanent Court of Arbitration to appoint the failing party's arbitrator or the umpire, as the case may be. However the umpire shall be appointed from amongst nationals of a state having diplomatic relations with both Contracting Parties, at the time of appointment.

ARTICLE 14

SETTLEMENT OF DISPUTES BETWEEN THE CONTRACTING PARTIES

1. All disputes arising between the Contracting Parties relating to the interpretation or application of this Agreement shall, in the first place, be settled amicably by consultation. In case of disagreement, either Contracting Party may subject to its laws and regulations, while sending a notice to the other Party, refer the case to an arbitral tribunal of three members consisting of two arbitrators appointed by the Contracting Parties and an umpire.

In case the dispute is referred to the arbitral tribunal, either Contracting Party shall appoint an arbitrator within sixty days from the receipt of the notification and the arbitrators appointed by the Contracting Parties shall appoint the umpire within sixty days from the date of last appointment. If either Contracting Party does not appoint its own arbitrator or the appointed arbitrators do not agree on the appointment of the umpire within the said periods, each Contracting Party may request the President of the International Court of Justice to appoint the arbitrator of the failing party or the umpire, as the case may be.

However the umpire shall be a national of a state having diplomatic relations with both Contracting Parties at the time of the appointment.

2. In case the umpire is to be appointed by the President of the International Court of Justice, if the President of the International Court of Justice is prevented from carrying out the said function or if he is a national of either Contracting Party, the appointment shall be made by the vice-president of the International Court of Justice, and if the vice-president is also prevented from carrying out the said function or he is a national of either Contracting Party, the appointment shall be made by the senior member of the said court who is not a national of either Contracting Party.

3. Subject to other provisions agreed by the Contracting Parties, the arbitral tribunal shall determine its procedure and the place of arbitration.

4. The decisions of the arbitral tribunal shall be binding on the Contracting Parties.

ARTICLE 15
VALIDITY OF THE AGREEMENT

1. This Agreement shall be approved/ratified by the competent authorities of each Contracting Party in accordance with their laws and regulations.

2. This Agreement shall enter into force for a period of ten years after 30 days from the date of the last notification of either Contracting Party to the other Contracting party that it has fulfilled necessary measures in accordance with its laws and regulations for the entry into force of this Agreement. After the said period, this Agreement shall remain in force thereafter unless one of the Contracting Parties notifies the other Contracting Party in writing of its unwillingness to continue with it, six months prior to the expiration or termination thereof.

3. After the expiration of the validity or termination of this Agreement its provisions shall apply to investments under this Agreement for a further period of ten years.

In witness whereof, the undersigned, duly authorized by their respective Governments, have signed this Agreement.

Done in duplicate in Hanoi on 23 December 2009 (.....) in Vietnamese, Persian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE ISLAMIC REPUBLIC OF IRAN
Cao Duc Phat	Mehdi Ghazanfari
Minister of Agriculture and Rural Development	Minister of Commerce

موافقتنامه

تشویق و حمایت متقابل از سرمایه گذاری

بین

دولت جمهوری سوسیالیستی ویتنام

و

دولت جمهوری اسلامی ایران

مقدمه :

دولت جمهوری سوسیالیستی ویتنام و دولت جمهوری اسلامی ایران که از این پس "طرفهای متعاهد" نامیده می شوند،

با علاقمندی به تحکیم همکاریهای اقتصادی در جهت تامین منافع هر دو طرف متعاهد،

با هدف بکار گیری منابع اقتصادی و امکانات بالقوه خود در امر سرمایه گذاری و نیز ایجاد و حفظ شرایط مساعد برای سرمایه گذاریهای اتباع طرفهای متعاهد در قلمرو یکدیگر،

و با تایید لزوم تشویق و حمایت از سرمایه گذاریهای اتباع طرفهای متعاهد در قلمرو یکدیگر، به شرح زیر توافق نمودند:

ماده ۱ – تعـــــاریف

از نظر این موافقتنامه، معانی اصطلاحا ت بکار رفته در آن به شرح زیر خواهد بود :

۱- اصطلاح " سرمایه گذاری " عبارت از هر نوع مال یا دارایی از جمله موارد زیر است که توسط سرمایه گذاران یکی از طرفهای متعاهد در قلمرو و طبق قوانین و مقررات طرف متعاهد اخیر الذکر (که از این پس طرف متعاهد سرمایه پذیر خوانده میشود) بکار گرفته شود :

الف) اموال منقول و غیر منقول و حقوق مربوط به آنها،

ب) سهام یا هر نوع مشارکت در شرکتها،

پ) حـــق ادعا نسبت به پول یا هر عملیاتی که دارای ارزش اقتصادی مرتبط با سرمایه گذاری باشد،

ت) حقوق مالکیت معنوی و صنعتی از قبیل حق اختراع ، نمونه های بهره وری ، طرحها یا نمونه های صنعتی، علائم و اسامی تجاری، دانش فنی و حسن شهرت تجاری،

ث) حق اکتشاف، استخراج یا بهره برداری از منابع طبیعی.

۲- اصطلاح " سرمایه گذاران " عبارت از اشخاص زیر است که در چارچوب این موافقتنامه در قلمرو طرف متعاهد دیگر سرمایه گذاری کنند:

الف) اشخاص حقیقی که به موجب قوانین هر یک از طرفهای متعاهد اتباع آن طرف متعاهد بشمار آیند و تابعیت طرف متعاهد سرمایه پذیر را دارا نباشند.

ب) اشخاص حقوقی هر طرف متعاهد که برابر قوانین همان طرف متعاهد تشکیل و تاسیس شده باشد و مقر و فعالیت اقتصادی اصلی آنها در قلمرو همان طرف متعاهد قرار داشته باشد.

۳- اصطلاح" عواید "به معنی وجوهی است که بطور قانونی از سرمایه گذاری حاصل شـــــــده باشد از جمله سود حاصل از سرمایه گذاری، سود سهام، کارمزد و حق الامتیاز.

۴- اصطلاح " قلمرو":

الف) در مورد جمهوری اسلامی ایران به معنی مناطقی است که تحت حاکمیت یا صلاحیت جمهوری اسلامی ایران قرار دارد و شامل مناطق دریایی مربوط آنها نیز می شود .

ب) در مورد جمهوری سوسیالیستی ویتنام به معنی قلمرو سرزمینی، جزایر، آبهای داخلی، دریای سرزمینی و فضای بالای آنها، مناطق دریایی ورای دریای سرزمینی از جمله بستر دریا و زیر بستر آن که جمهوری سوسیالیستی ویتنام بر آن حاکمیت، حقوق حاکمیت و صلاحیت را طبق قوانین ملی و حقوق بین المللی اعمال می نماید.

ماده ۲- تشویق سرمایه گذاری

۱- هر یک از طرفهای متعاهد اتباع خود را به سرمایه گذاری در قلمرو طرف متعا هد دیگر تشویق خواهد کرد .

۲- هر یک از طرفهای متعاهد در حدود قوانین و مقررات خود زمینه مناسب را جهت جلب سرمایه گذاری اتباع طرف متعاهد دیگر در قلمرو خود فراهم خواهد آورد.

ماده۳- پذیرش سرمایه گذاری

۱- هریک از طرفهـــــای متعاهد با رعایت قوانین و مقررات خود نسبت به پذیرش سرمایه گذاری اشخاص حقیقی و حقوقی طرف متعاهد دیگر در قلمرو خود اقدام خواهد کرد.

۲- هر یک از طرفهای متعاهد پس از پذیرش سرمایه گذاری، کلیه مجوزهایی را که طبق قوانین و مقررات جهت تحقق سرمایه گذاری مزبور لازم است اعطا خواهدکرد.

ماده ۴- حمایت از سرمایه گذاری

۱- سرمایه گذاریهای سرمایه گذاران هر یک از طرفهای متعاهد در قلمرو طرف متعاهد دیگر، طبق قوانین و مقررات طرف متعاهد میزبان، از حمایت کامل قانونی و رفتار منصفانه ای که از رفتار اعمال شده نسبت به سرمایه گذاران خود یا سرمایه گذاران هر کشور ثالث در شرایط مشابه نامساعد تر نباشد، برخوردار خواهد بود.

۲- چنانچه هر یک از طرفهای متعاهد به موجب یک موافقتنامه موجود یا آتی راجع به تاسیس منطقه آزاد تجاری، اتحادیه گمرکی، بازار مشترک یا نهاد منطقه ای مشابه و یا ترتیبات راجع به اجتناب از اخذ مالیات مضاعف، حقوق و مزایای خاصی را به یک یا چند سرمایه گذار کشور ثالث اعطا کرده و یا در آینده اعطا کند، ملزم به اعطای حقوق و مزایای مزبور به سرمایه گذاران طرف متعاهد دیگر نخواهد بود .

ماده ۵ - شرایط مساعدتر

قطع نظر از شروط مقرر در این موافقتنامه، شرایط مساعدتری که میان هر یک از طرفهای متعاهد و یک سرمایه گذار طرف متعاهد دیگر مورد توافق قرار گرفته یا قرار گیرد، قابل اعمال خواهد بود.

ماده ۶- مصادره و جبران خسارت

۱- سرمایه گذاریهای اشخاص حقیقی و حقوقی هر یک از طرفهای متعاهد توسط طرف متعاهد دیگر ملی، مصادره و سلب مالکیت نخواهد شد و یا تحت تدابیر مشابه قرار نخواهد گرفت، مگر آنکه اقدامات مزبور برای اهداف عمومی، به موجب فرایند قانونی به روش غیر تبعیض آمیز و در مقابل پرداخت سریع، کافی و موثر غرامت انجام پذیرد .

۲- میزان جبران خسارت باید معادل ارزش روز سرمایه گذاری بلافاصله قبل از ملی شدن، مصادره، سلب مالکیت یا آگاهی از آنها باشد .

۳- جبران خسارت باید شامل مبلغی برای جبران هرگونه دیرکرد ناموجه در پرداخت باشد مشروط به اینکه تاخیر پرداخت توسط سرمایه گذار صورت نگرفته باشد. این مبلغ از تاریخ مصادره تا تاریخ پرداخت بر اساس میزان هزینه مالی پیشنهادی بین بانکی لندن (لیبور) تعیین می گردد.

ماده ۷ – زیانهـــــا

سرمایه گذاران هر یک از طرفهای متعاهد که سرمایه گذاریهای آنها به علت مخاصمه مسلحانه، انقلاب، یا حالت اضطراری مشابه در قلمرو طرف متعاهد دیگر دچار خسارت شود، از رفتاری که نسبت به رفتار طرف متعاهد مزبور با سرمایه گذاران خود یا سرمایه گذاران هر کشور ثالث نامساعدتر نباشد، برخوردار خواهند بود.

ماده ۸ - بازگشت و انتقال سرمایه

۱- هر یک از طرفهای متعاهد طبق قوانین و مقررات خود و با حسن نیت اجازه خواهد داد که در مورد سرمایه گذاری موضوع این موافقتنامه انتقالات زیر بصورت آزاد و بدون تاخیر به خارج از قلمرو آن انجام شود:

الف- عواید،

ب- مبالغ حاصل از فروش و یا تصفیه تمام یا قسمتی از سرمایه گذاری،

پ- حق الامتیازها و حق الزحمه های مربوط به قراردادهای انتقال فن آوری،

ت- مبالغ پرداخت شده به موجب مواد ۶ و یا ۷ این موافقتنامه،

ث- اقساط وامهای مربوط به سرمایه گـــذاری، مشروط بر آنکه از محل عملکرد سرمایه گذاری پرداخت شود،

ج - حقوق ماهیانه و دستمزدهای دریافتی توسط کارکنان سرمایه گذار که پروانه کار مرتبط با آن سرمایه گذاری در قلمرو طرف متعاهد سرمایه پذیر را دارا باشند،

چ - وجوه پرداختی ناشی از تصمیم مرجع مذکور در ماده (۱۳) .

۲- انتقالات فوق باید به ارز قابل تبدیل و به نرخ جاری بر اساس مقررات ارزی زمان انتقال انجام پذیرد.

ماده ۹- جانشینـــی

هر گـــاه یکی از طرفهای متعاهد یا موسسه تعیین شده توسط آن، طبق یک نظـــام قانونـی، به لحـــاظ پرداختـی که بـــه مـوجب یک قـرارداد بیمـه یا تضمین خطرات غیر تجاری یک سرمایه گذاری بعمل آورده جانشین سرمایه گذار شود:

الف) جانشینی مزبور توسط طرف متعاهد دیگر معتبر شناخته خواهد شد،

ب) جانشیـــن مستحق حقوقی بیش از آنچه سرمایه گذار استحقاق آن را داشته است، نخواهد بود،

پ) اختلافات میان جانشین و طرف متعاهد سرمایه پذیر بر اساس ماده (۱۳) این موافقتنامه حل و فصل خواهد شد.

ماده ۱۰ - رعایت تعهدات

هر یک از طـرف های متعـاهد رعـایت تعهداتی را که در ارتباط با سرمایه گذاریهای اشخاص حقیقی و حقوقی طرف متعاهد دیگر تقبل نموده است، تضمین می نماید.

ماده ۱۱- اعمال سایر قواعد

اگر مقرراتی بطور همزمان توسط این موافقتنامه یا دیگر موافقتنامه های بین المللی که دو طرف متعاهد عضو آن هستند حاکم شود، این قوانین تا حدی که نسبت به طرفهای متعاهد و سرمایه گذاریهای سرمایه گذاران آنها در قلمرو طرف متعاهد دیگر مساعدتر باشد، اعمال خواهد شد.

ماده ۱۲ - دامنه شمول موافقتنامه

۱- در مورد جمهوری اسلامی ایران، این موافقتنامه در مورد همه سرمایه گذاریهایی اعمال می شود که به تصویب سازمان سرمایه گذاری و کمکهای اقتصادی و فنی ایران است و یا هر مرجع دیگری که جایگزین آن شود، برسد.

۲- در مورد جمهوری سوسیالیستی ویتنام، این موافقتنامه در مورد همه سرمایه گذاریها، به ویژه سرمایه گذاریهایی که کتباً به تصویب مرجع صلاحیتدار ویتنام طبق قوانین و مقررات مربوطه آن برسد اعمال می شود.

۳- این موافقتنامه همچنین در مورد سرمایه گذاریهایی اعمال خواهد شد که طبق مفاد مندرج در این ماده قبل از لازم الاجرا شدن موافقتنامه انجام شده است.

ماده ۱۳- حل و فصل اختلافات میان یک طرف متعاهد و سرمایه گذار طرف متعاهد دیگر

۱- چنانچه اختلافی میان طرف متعاهد سرمایه پذیر و یک یا چند سرمایه گذار طرف متعاهد دیگر در باره یک سرمایه گذاری بروز کند، طرف متعاهد سرمایه پذیر و سرمایه گذار (سرمایه گذاران) مزبور در ابتدا تلاش خواهند کرد که اختلاف را از طریق مذاکره و مشاوره و بصورت دوستانه حل و فصل کنند.

۲- چنـــانچه طرف متعاهد سرمایه پذیر و سرمایه گذار (سرمایه گذاران) مزبور نتوانند ظرف شش ماه از تاریخ ابلاغ ادعا به دیگری به توافق برسند، هر یک از آنها می تواند اختلاف را در دادگاههای صالح طرف متعاهد سرمایه پذیر مطرح و یا ضمن رعایت قوانین و مقررات مربوط خود به یک هیئت داوری سه نفره به شرح مندرج در بند (۵) زیر ارجاع کند.

۳- هـــر اختلافی که ابتدا در دادگاههای صالح طرف متعاهد سرمایه پذیر اقـــامه شود، تا زمانـــی که در دست رسیدگی است جز با توافق طرفها نمی تواند به داوری ارجاع شود، و در صورتی که منتهی به صدور حکم قطعی شود قابل ارجاع به داوری نخواهد بود.

۴- هر اختلافی که به داوری ارجاع شود، از صلاحیت دادگاههای داخلی مستثنی خواهد بود. با این وجود مفاد این بند مانع از آن نخواهد بود که محکوم له حکم داوری برای اجرای آن به دادگاههای داخلی مراجعه کند.

۵- طرف متعاهد سرمایه پذیر یا سرمایه گذار (سرمایه گذاران) طرف متعاهد دیگر هر کـدام که بخواهند اختلافی را به داوری ارجاع کنند، باید ضمن ارسال اطلاعیه کتبی برای دیگری داور منتخب خود را معرفی نمایند. طرف دیگر باید ظرف مدت شصت روز از تاریخ دریافت اطلاعیه مذکور نسبت به معرفی یک داور اقدام کند و داوران منتخب باید ظرف مدت شصت روز از تاریخ آخرین انتخاب، سرداور را تعیین کنند. چنانچه هر یک از طرفها ظرف مدت مقرر داور خود را تعیین نکند و یا داوران منتخـــب ظرف مدت مذکور در مورد انتخاب سرداور به توافق نرسند هریک از طرفها میتواند از دبیرکل دیـــــوان دائمی داوری بخواهد که حسب مورد داور طرف ممتنع یا سرداور را تعیین نماید. در هر صورت سرداور باید از اتباع کشوری انتخاب شود که در زمان انتخـــــاب با طرفهای متعاهد روابط سیاسی دارد.

ماده ۱۴- حل و فصل اختلافات بین طرفهای متعاهد

۱- کلیه اختلافات ناشی از اجرا یا تفسیر این موافقتنامه یا مرتبط با آن، ابتدا از طریق مذاکره و بطور دوستانه حل و فصل خواهد شد. در صورت عدم توافق، هر یک از طرفهای متعاهد میتواند با رعایت قوانین و مقررات مربوط خود، ضمن ارسال اطلاعیه ای برای طرف متعاهد دیگر، موضوع را به یک هیات داوری سه نفره مرکب از دو داور منتخب طرفهای متعاهد و یک سر داور ارجاع نماید.

در صورت ارجاع امر به داوری، هریک از طرفهای متعاهد ظرف مدت شصت روز از تاریخ دریافت اطلاعیه نسبت به معرفی یک داور اقدام میکند و داوران منتخب طرفهای متعاهد ظرف مدت شصت روز از تاریخ آخرین انتخاب، سرداور را تعیین خواهند کرد. چنانچه هریک از طرفهای متعاهد ظرف مدت مقرر داور خود را تعیین نکند و یا داوران منتخب ظرف مدت مقرر در مورد انتخاب سر داور به توافق نرسند، هریک از طرفهای متعاهد می تواند از رئیس دیوان بین المللی دادگستری بخواهد که حسب مورد داور طرف ممتنع یا سر داور را تعیین نماید. سر داور باید در هر صورت تابعیت کشوری را دارا باشد که در زمان انتخاب با طرفهای متعاهد روابط سیاسی دارد.

۲- در مواردی که سرداور باید توسط رئیس دیوان بین المللی دادگستری تعیین شود چنانچه رئیس دیوان بین المللی دادگستری از انجام وظیفه معذور یا تبعه یکی از طرفهای متعاهد باشد، انتصاب توسط معاون رئیس انجام خواهد شد و چنانچه معاون رئیس نیز از انجام وظیفه مذکور معذور یا تبعه یکی از طرفهای متعاهد باشد این انتصاب توسط عضو ارشد دیوان که تابعیت هیچیک از طرفهای متعاهد را نداشته باشد انجام خواهد شد.

۳- هیات داوری با توجه به سایر مواردی که طرفهای متعاهد توافق نموده اند آئین و محل داوری را تعیین خواهد نمود.

۴- تصمیمات هیئت داوری برای طرفهای متعاهد لازم الاجرا است.

ماده ۱۵- اعتبار موافقتنامه

۱- این موافقتنامه طبق قوانین و مقررات هر یک از طرفهای متعاهد به تصویب مراجع صلاحیتدار آنها خواهد رسید.

۲- این موافقتنامه سی روز پس از تاریخ ارائه آخرین اطلاعیه هر یک از طرفهای متعاهد به طرف متعاهد دیگر مبنی بر اینکه اقدامات لازم را طبق قوانین و مقررات خود درباره لازم الاجرا شدن این موافقتنامه بعمل آورده است برای مدت ده سال به موقع اجراء گذارده خواهد شد . پس از مدت مزبور این موافقتنامه همچنان معتبر خواهد ماند، مگر آنکه یکی از طرفهای متعاهد ۶ ماه قبل از خاتمه یا فسخ آن، عدم تمایل خود را نسبت به تمدید آن بطور کتبی به اطلاع طرف متعاهد دیگر برساند.

۳- پس از انقضاء مدت اعتبار یا فسخ این موافقتنامه، مفاد آن در مورد سرمایه گذاریهای مشمول این موافقتنامه برای یک دوره اضافی ده ساله مجری خواهد بود.

در تائید مراتب فوق امضاء کنندگان زیر با اختیار کامل از طرف دولتهای متبوع خود این موافقتنامه را امضاء کرده اند.

این موافقتنامه در هانوی در تاریخ ..... (.....) در دو نسخه به زبانهای ویتنامی، فارسی و انگلیسی منعقد گردید، همه متون از اعتبار یکسان برخوردارند. در صورت اختلاف در تفسیر، متن انگلیسی ملاک خواهد بود.

از طرف	از طرف
دولت جمهوری سوسیالیستی ویتنام	دولت جمهوری اسلامی ایران

Phát